

Số: /QĐ-SNV

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết
Phần mềm cơ sở dữ liệu về tín ngưỡng, tôn giáo tỉnh**

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 2589/BTTTT-UDCNTT ngày 24/08/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03/02/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định mức công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023;

Căn cứ ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1599/STTTT-BCVT&CNTT ngày 24/8/2023 về việc ý kiến về phương án, giải pháp kỹ thuật công nghệ Đề cương và dự toán chi tiết Phần mềm cơ sở dữ liệu về tín ngưỡng, tôn giáo tỉnh;

Xét đề nghị của Ban Tôn giáo tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết **Phần mềm cơ sở dữ liệu về tín ngưỡng, tôn giáo tỉnh** với các nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Ban Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi.
2. Tổ chức, đơn vị lập (hoặc tư vấn lập) đề cương và dự toán chi tiết:
 - Công ty TNHH MTV Truyền Thông Kỹ thuật số Miền Trung Xanh.
 - Địa chỉ: Khối phố 2, phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
 - Mã số thuế: 4000842980.
3. Mục tiêu, quy mô:
 - Mục tiêu:
 - + Xây dựng hoàn thiện Phần mềm cơ sở dữ liệu về tín ngưỡng, tôn giáo tỉnh phục vụ lưu trữ dữ liệu, quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.
 - + Phần mềm cơ sở dữ liệu được xây dựng đáp ứng, phục vụ tốt yêu cầu của công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo của tỉnh.
 - + Hoàn thiện cập nhật số liệu về tín ngưỡng, tôn giáo sau khảo sát thống kê, tạo lập cơ sở dữ liệu chung về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn toàn tỉnh.
 - Quy mô:
 - + Xây dựng Phần mềm cơ sở dữ liệu về tín ngưỡng, tôn giáo áp dụng trong toàn tỉnh Quảng Ngãi.
 - + Tập huấn sử dụng Phần mềm cơ sở dữ liệu cho Lãnh đạo, chuyên viên Sở Nội vụ tỉnh (Lãnh đạo Sở Nội vụ, lãnh đạo và chuyên viên Ban Tôn giáo tỉnh); Phòng Nội vụ cấp huyện (13 đơn vị).
 - + Cập nhật số liệu về tín ngưỡng, tôn giáo sau khảo sát thống kê, tạo lập cơ sở dữ liệu chung về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn toàn tỉnh, bao gồm: thông tin của hơn 2.540 cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo (cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung); thông tin các tổ chức tôn giáo trực thuộc; thông tin của hơn 1.970 chức sắc, chức việc và các thông tin liên quan khác.

4. Giải pháp kỹ thuật, công nghệ và các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin chủ yếu.

a) Giải pháp kỹ thuật công nghệ cần tuân thủ:

- Công nghệ xây dựng phần mềm:

+ Nền tảng công nghệ: Microsoft (.NET); Công cụ phát triển và ngôn ngữ lập trình: Ngôn ngữ lập trình C#, ASP.NET; Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: Microsoft SQL Server 2019 hoặc cao hơn (sử dụng bản express); Máy chủ vận hành phần mềm Windows Server 2016 hoặc cao hơn.

+ Hệ thống (giao diện, lưu trữ,...) sử dụng thống nhất bộ mã các ký tự chữ Tiếng Việt theo tiêu chuẩn Unicode TCVN 6909:2001; Tương thích với các trình duyệt Web thông dụng như Cốc cốc, Edge, Chrome, Firefox, v.v....; Tương thích với các thiết bị đầu cuối gồm: Máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh.

- Giải pháp bảo mật: Thiết lập cơ chế bảo mật ở 03 mức: Mức hệ thống, ứng dụng và cơ sở dữ liệu.

- Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng:

+ Tuân thủ các quy định về quản lý dữ liệu, khả năng sẵn sàng kết nối và chia sẻ dữ liệu tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

+ Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

+ Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong việc xây dựng hệ thống phải tuân thủ theo các quy định tại Thông tư 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước: Các tiêu chuẩn kết nối; Các tiêu chuẩn tích hợp dữ liệu; Các tiêu chuẩn truy cập thông tin; Các tiêu chuẩn an toàn thông tin.

- Khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu:

+ Phần mềm cho phép kết nối và chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

+ Kết nối với các hệ thống thông tin khác: Hệ thống thông tin đích phải cung cấp các API, chia sẻ dữ liệu đúng chuẩn kết nối, tài liệu hướng dẫn kết nối, hỗ trợ kiểm tra kết nối.

+ Chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống thông tin có nhu cầu: Phần mềm cung cấp các API để chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống khác có nhu cầu theo quy định Nghị định số 47/2020/NĐ-CP (cung cấp bản hướng dẫn, nguyên tắc sử dụng các API, cấu trúc dữ liệu, chuẩn kết nối để triển khai kết nối).

b) Giải pháp kỹ thuật, công nghệ cho phép đơn vị sử dụng ngân sách được thay đổi trong quá trình triển khai: Không.

5. Dự toán chi tiết: **600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng).**

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

6. Nguồn vốn: Được giao tại Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023.

7. Địa điểm thực hiện: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi; Ban Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi; Phòng Nội vụ cấp huyện; UBND cấp xã.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Ban Tôn giáo tỉnh tổ chức thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước, tiết kiệm và có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Ban Tôn giáo tỉnh, các phòng, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Giám đốc, PGĐ Sở (phụ trách TNTG);
- KBNN tỉnh;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Tạ Công Dũng

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày /8/2023 của Sở Nội vụ)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán kinh phí			Kế hoạch phân bổ vốn	Ghi chú
		Tổng dự toán	Vốn NSNN	Vốn khác	Năm 2023	
I	Chi phí xây lắp (Gxl)	-	-	-	-	
II	Chi phí thiết bị (Gtb)	555.318.903	555.318.903	0	555.318.903	
III	Chi phí quản lý (Gql)	-	-	-	-	
IV	Chi phí tư vấn (Gtv)	39.361.386	39.361.386	0	39.361.386	
V	Chi phí khác có liên quan (Gk)	2.330.000	2.330.000	-	2.330.000	
VI	Chi phí dự phòng (Gdp)	2.989.711	2.989.711	-	2.989.711	
	Tổng cộng (Gxl + Gtb + Gql + Gtv + Gk + Gdp)	600.000.000	600.000.000	0	600.000.000	

